TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/02/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2362/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Chung cư ME, đường F, phường H, thành phố TĐ, Thành phố H. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Chung cư ME, đường F, phường H, thành phố TĐ, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu M trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng C tự nguyện kết hôn vào năm 2011 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông C không chung thủy, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng

không thể hàn gắn nên ông bà đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồng MA, sinh ngày 22/8/2018. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Nguyễn Hồng C trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn đúng như bà M trình bày. Theo ông cuộc sống chung hạnh phúc bình thường đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà M hay ghen tuông và có lời lẽ không tôn trọng chồng. Mặt khác cuộc sống hàng ngày bà M cũng không tôn trọng chồng, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông bà hiện còn sống chung nhà nhưng đã ly thân. Tuy nhiên, ông xác định tình cảm vẫn còn, ông vẫn còn thương vợ thương con, ông không đồng ý ly hôn vì con còn quá nhỏ, ông mong muốn đoàn tụ gia đình, cùng có trách nhiệm lo cho con chung.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồng MA, sinh ngày 22/8/2018. Sau khi ly hôn ông yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu M giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu ly hôn, nuôi con, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Bà Huỳnh Thị Thu M và ông Nguyễn Hồng C tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2011 ngày 21/3/2011 do Ủy ban nhân dân phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại tòa, cả bà M và ông C thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện đã ly thân, bà M cho rằng nguyên nhân là do ông C không chung thủy, vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông C cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chủ yếu là do bà M hay ghen tuông vô cớ và có lời lẽ không tôn trọng chồng nhưng ông đã bỏ qua và luôn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con. Tuy nhiên, tại phiên Tòa xét xử vụ án, ông Nguyễn Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông C không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là có và hiện nay các bên vẫn còn mâu thuẫn, chứng tỏ ông bà không có khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng dẫn đến vợ chồng ly thân. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ tháng 8/2022 cho đến nay, mâu thuẫn giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc, bà M cương quyết không đoàn tụ với ông C vì tình cảm không còn, vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của bà M về việc xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thu M và ông Nguyễn Hồng C xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng MA, sinh ngày 22/8/2018. Bà M và ông C đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con nhưng việc quyết định giao con cho ai nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Xét, hiện nay người con chung đang sống với bà M và bà M có có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc người con chung, mặt khác ông C mong muốn trực tiếp nuôi con nhưng không đến Tòa để bảo vệ quan điểm của mình. Vì vậy căn cứ vào Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để đảm bảo quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con chung nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Hồng MA, sinh ngày 22/8/2018 của bà M là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Bà M phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu M được ly hôn ông Nguyễn Hồng C.

1.2 Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng MA, sinh ngày 22/8/2018.

Giao người con chung tên Nguyễn Hồng MA, sinh ngày 22/8/2018 cho bà Huỳnh Thị Thu M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thu M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028840 ngày 10/10/2022. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông C không phải chịu án phí

3. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.